

7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Rau quả

là mặt hàng xuất khẩu
tăng trưởng mạnh nhất

trong nhóm các mặt hàng **xuất khẩu chủ lực sang EU**

THÁNG 7
2023

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội



024. 22 205 420 - 024. 22 202 245



wto_mtpd@moit.gov.vn

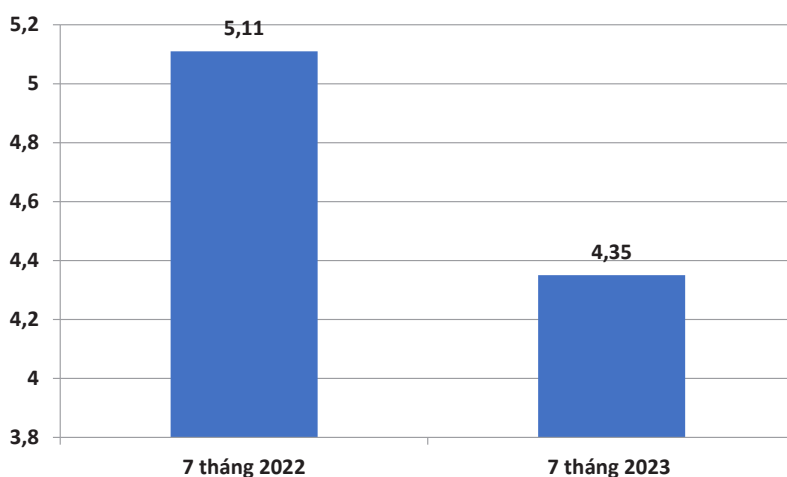


<https://fta.gov.vn>

Trong tháng 7/2023, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường EU đạt 24,39 triệu USD, giảm 12,54% so với tháng 6/2023 nhưng tăng 14,47% so với tháng 7/2022. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang EU đạt 169,24 triệu USD, tăng 34,89% so với cùng kỳ 2022.

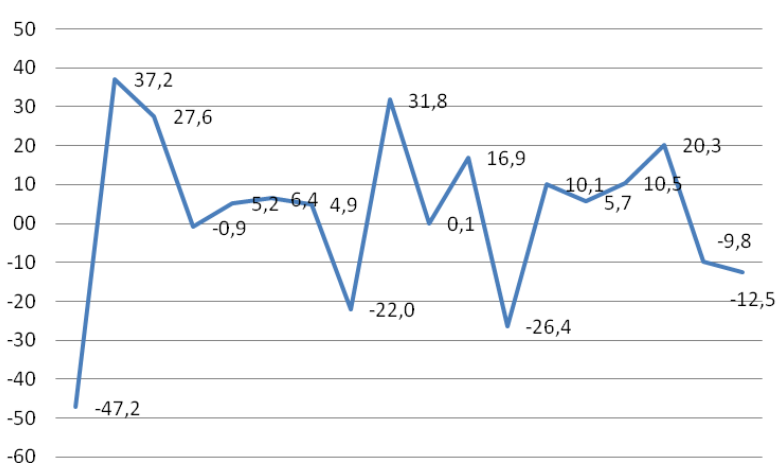
Với kết quả này, rau quả đang là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh nhất trong nhóm 16 mặt hàng xuất khẩu chủ lực vào thị trường EU trong 7 tháng qua. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang EU hiện chiếm 4,35% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của nước ta và chiếm 0,53% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang EU.

Tỷ trọng xuất khẩu rau quả sang EU trên tổng xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022-2023 (% theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch XK hàng rau quả của Việt Nam sang EU qua các tháng giai đoạn 2022 - 2023 (ĐVT: %)

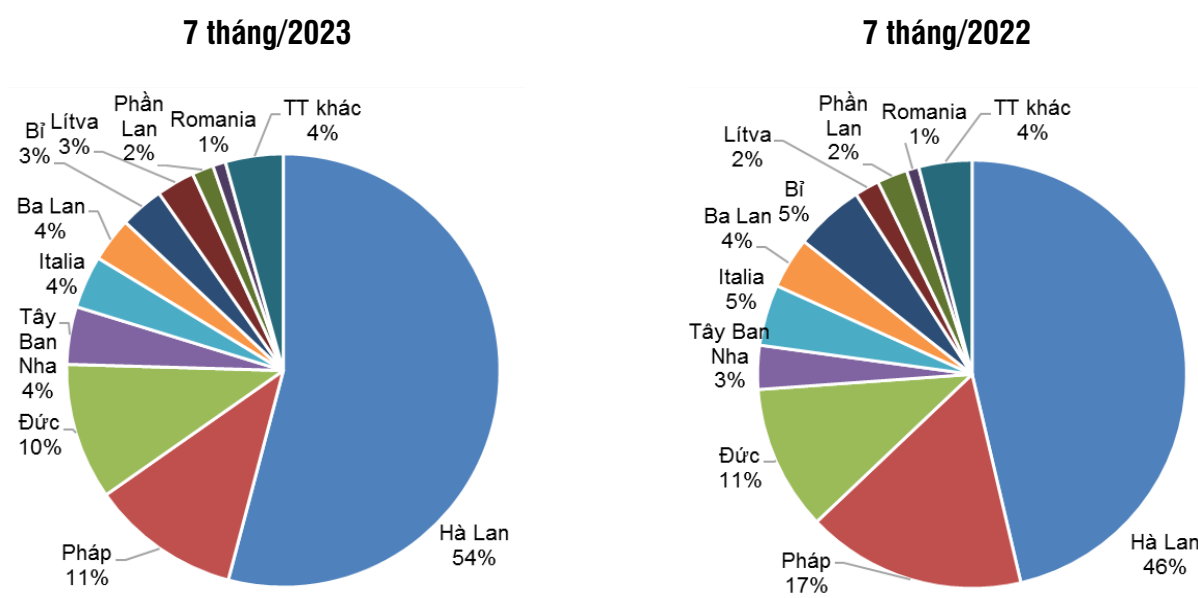


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong 7 tháng đầu năm 2023, hàng rau quả của Việt Nam được xuất khẩu sang 26 nước thành viên EU với các thị trường xuất khẩu chủ lực là Hà Lan, Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Italia.

Trong đó, Hà Lan là thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam tại EU với kim ngạch đạt 13 triệu USD trong tháng 7/2023, giảm 18,56% so với tháng trước đó nhưng tăng 16,59% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hà Lan đạt 91,55 triệu USD, tăng 57,45% so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Hà Lan chiếm 54,02% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU trong 7 tháng đầu năm 2023, cao hơn so với tỷ trọng 46,34% cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu tỷ trọng xuất khẩu rau quả sang các thị trường thành viên EU (% theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang một số thị trường thành viên EU trong 7 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 6/2023 (%)	So với Tháng 7/2022 (%)	7 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 7T/2022 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng/2023 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng/2022 (%)
Tổng	24.390,66	-12,54	14,47	169.247,92	34,89	100	100
Hà Lan	13.005,28	-18,56	16,59	91.552,49	57,45	54,02	46,34
Pháp	2.865,79	12,35	4,16	18.915,97	-8,95	11,18	16,56
Đức	2.441,89	-1,19	25,44	17.232,73	25,22	10,18	10,97
Tây Ban Nha	1.199,66	-26,99	62,09	7.289,39	75,65	4,31	3,31
Italia	482,49	-2,3	-35,93	6.639,46	14,81	3,92	4,61

Thị trường	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 6/2023 (%)	So với Tháng 7/2022 (%)	7 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 7T/2022 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng/2023 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng/2022 (%)
Ba Lan	907,69	-30,02	24,64	5.616,19	15,67	3,32	3,87
Bỉ	1.008,12	3,56	-47,25	5.523,06	-16,04	3,26	5,24
Lit-va	894,1	17,24	50,69	4.831,49	105,63	2,85	1,87
Phần Lan	422,18	306,8	403,06	2.716,38	-5,42	1,6	2,29
Rumani	166,69	-39,49	94,39	1.631,65	39,75	0,96	0,93
CH Séc	205,83	-6,16	592,04	1.403,72	159,49	0,83	0,43
Thụy Điển	147,13	45,8	-15,3	1.310,72	-10,72	0,77	1,17
Bồ Đào Nha	124,71	-66,39	-17,32	1.283,55	15,63	0,76	0,88

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về cơ cấu chủng loại: 07 tháng đầu năm 2023, cơ cấu chủng loại hàng rau quả Việt Nam xuất khẩu sang EU khá đa dạng, lên tới trên 150 sản phẩm (nếu tính theo mã HS). Trong đó, đạt kim ngạch xuất khẩu cao nhất là nhóm mặt hàng có mã HS 200989 (gồm các sản phẩm nước ép được chế biến từ các loại quả khác nhau...), kim ngạch đạt 9,31 triệu USD trong tháng 7/2023, giảm 30,49% so với tháng trước đó và tăng 29,65% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu nhóm HS 200989 đạt 73,56 triệu USD, tăng 127,98% so với cùng kỳ 2022, chiếm tỷ trọng 43,47% trong tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam sang EU.

Tham khảo một số chủng loại hàng rau quả của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong 7 tháng đầu năm 2023 (tính theo mã HS)

Mã HS	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 6/2023 (%)	So với Tháng 7/2022 (%)	7 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 7 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2022 (%)
200989	9.312,87	-30,49	29,65	73.567,86	127,98	43,47	25,72
081090	2.395,96	2,65	14,68	15.179,39	-24,94	8,97	16,12
081190	1.782,73	-1,32	-12,66	10.844,06	-12,40	6,41	9,87
200899	2.488,29	169,94	57,06	8.136,31	30,34	4,81	4,98
200819	1.002,50	-20,33	67,25	7.907,64	115,40	4,67	2,93
080550	1.153,86	-9,76	12,24	6.195,25	-7,98	3,66	5,37
200820	607,67	-14,01	7,57	4.326,09	-7,27	2,56	3,72

Mã HS	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với Tháng 6/2023 (%)	So với Tháng 7/2022 (%)	7 Tháng 2023 (Nghìn USD)	So với 7 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 7 Tháng 2022 (%)
071040	526,79	45,73	33,21	2.320,97	-20,93	1,37	2,34
080119	484,34	-33,59	49,87	2.241,95	35,95	1,32	1,31
080450	166,14	-7,44	-35,33	1.577,69	-49,30	0,93	2,48
200600	12,84	-96,94	12,45	1.452,70	47,08	0,86	0,79
081060	107,12	-58,27	-17,96	1.409,55	111,19	0,83	0,53
080540	407,00	63,93	-4,60	1.354,74	4,99	0,80	1,03
091012	95,60	-64,65	-78,61	1.267,47	-37,69	0,75	1,62
200580	118,69	2,34	-13,20	1.182,21	32,26	0,70	0,71
200949	436,23	28,28	-35,60	1.135,52	-22,28	0,67	1,16
080111	236,66	408,45	116,52	1.113,24	3,88	0,66	0,85
080232	9,10	-57,14	-97,76	1.028,82	-74,25	0,61	3,18
081340	185,03	162,34	304,95	838,40	708,30	0,50	0,08
080251	348,48	-0,11	-66,59	800,33	-33,39	0,47	0,96

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Thông tin tham khảo

Theo số liệu thống kê từ Trademap, trong tháng 5/2023, EU nhập khẩu tổng 11,4 tỷ USD mặt hàng rau, củ, quả (HS 07, 20, 08), tăng 8,31% so với tháng trước đó và tăng 15,3% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch nhập khẩu rau, củ, quả của EU đạt 53,7 tỷ USD, tăng 9,85% so với cùng kỳ năm 2022.

Một số thị trường nhập khẩu mã HS 07, 20 và 08 của EU trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 5/2023 (Triệu USD)	So với Tháng 4/2023 (%)	So với Tháng 5/2022 (%)	5 Tháng/2023 (Triệu USD)	So với 5 Tháng 2022 (%)	Tỷ trọng 5 Tháng/2023 (%)	Tỷ trọng 5 Tháng/2022 (%)
Tây Ban Nha	1801,50	2,67	5,99	9290,31	5,83	17,29	17,95
Hà Lan	1581,46	17,80	24,92	6618,95	14,58	12,32	11,81
Đức	822,29	3,69	14,91	4015,22	12,10	7,47	7,32
Italia	616,19	4,74	13,29	3254,99	12,98	6,06	5,89
Bỉ	682,72	17,44	26,06	2995,11	23,05	5,57	4,98
Pháp	487,82	-0,02	21,76	2440,56	15,43	4,54	4,32
Morocco	458,72	4,39	1,98	2154,91	3,95	4,01	4,24
Thổ Nhĩ Kỳ	362,40	2,63	16,20	1988,73	6,73	3,70	3,81
Ba Lan	321,24	7,07	21,70	1581,53	16,89	2,94	2,77
Hoa Kỳ	274,56	-2,24	-16,58	1397,64	-8,45	2,60	3,12
Peru	354,18	36,12	35,59	1294,34	16,26	2,41	2,28
Brazil	267,04	19,97	31,84	1140,45	16,40	2,12	2,00
Nam Phi	209,22	-20,34	18,30	1035,05	4,78	1,93	2,02
Hy Lạp	194,38	3,14	19,04	973,19	24,66	1,81	1,60
Costa Rica	199,09	3,84	5,45	910,65	2,95	1,70	1,81
Ecuador	176,57	-7,43	22,64	886,22	24,11	1,65	1,46
Ai Cập	229,39	19,09	84,82	832,77	57,22	1,55	1,08
Trung Quốc	179,18	30,51	26,90	753,85	-5,05	1,40	1,62
Colombia	117,79	-5,47	-3,16	713,46	13,93	1,33	1,28
Chile	167,81	28,55	4,01	698,13	-0,81	1,30	1,44
Bồ Đào Nha	169,15	35,60	27,28	633,47	6,88	1,18	1,21
Áo	125,52	14,12	24,80	587,29	17,39	1,09	1,02
Israel	80,11	-11,36	89,13	492,42	22,11	0,92	0,82
Ai Cập	123,47	-12,06	19,36	482,96	7,85	0,90	0,92
Việt Nam	95,74	27,88	-0,19	417,65	-7,18	0,78	0,92
Hungary	81,11	17,96	18,42	362,69	6,68	0,68	0,70
Anh	57,11	-2,60	-5,58	283,16	-5,06	0,53	0,61
Serbia	63,10	17,16	10,51	279,25	-2,28	0,52	0,58
Canada	53,27	2,76	9,29	260,35	27,21	0,48	0,42
Tổng	11472,48	8,31	15,30	53724,36	9,85	100,00	100,00

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trademap.org